

PHỤ LỤC

DANH SÁCH CÁC LÔ ĐẤT ĐIỀU CHỈNH CHỦ THỂ QUẢN LÝ ĐỂ TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

(Kèm theo Quyết định số 767/QĐ-UBND ngày 04/9/2026 của UBND tỉnh)

STT	Kí hiệu lô đất	Số hiệu thửa đất	Số tờ bản đồ	Loại đất	Diện tích (m ²)	Số Quyết định của UBND tỉnh	Chủ thể được giao quản lý trước đây	Chủ thể quản lý đề nghị điều chỉnh	Địa chỉ khu đất
1	LK01-A01	586	3	ONT	125,00	Quyết định số 829/QĐ-UBND ngày 17/8/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	Ban Quản lý DA ĐTXD và Phát triển quỹ đất huyện Nghĩa Hành (cũ)	Ban Quản lý DA ĐTXD và Phát triển quỹ đất xã Nghĩa Hành	Xã Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi
2	LK01-A02	587	3	ONT	125,00				
3	LK01-A03	588	3	ONT	125,00				
4	LK01-A04	589	3	ONT	125,00				
5	LK01-A05	590	3	ONT	125,00				
6	LK01-A06	591	3	ONT	125,00				
7	LK01-A07	592	3	ONT	125,00				
8	LK01-A08	593	3	ONT	125,00				
9	LK01-A09	594	3	ONT	125,00				
10	LK01-A10	595	3	ONT	125,00				
11	LK01-A11	596	3	ONT	125,00				
12	LK01-A12	597	3	ONT	125,00				
13	LK01-A13	598	3	ONT	125,00				
14	LK01-A14	599	3	ONT	187,60				

STT	Kí hiệu lô đất	Số hiệu thửa đất	Số tờ bản đồ	Loại đất	Diện tích (m ²)	Số Quyết định của UBND tỉnh	Chủ thể được giao quản lý trước đây	Chủ thể quản lý đề nghị điều chỉnh	Địa chỉ khu đất
15	LK02-B01	601	3	ONT	125,00				
16	LK02-B02	602	3	ONT	125,00				
17	LK02-B03	603	3	ONT	125,00				
18	LK02-B04	604	3	ONT	125,00				
19	LK02-B05	605	3	ONT	125,00				
20	LK02-B06	607	3	ONT	125,00				
21	LK02-B07	608	3	ONT	125,00				
22	LK02-B08	609	3	ONT	125,00				
23	LK02-B09	610	3	ONT	125,00				
24	LK02-B10	611	3	ONT	125,00				
25	LK02-B11	616	3	ONT	112,60				
26	LK02-B12	615	3	ONT	117,10				
27	LK02-B13	614	3	ONT	117,10				
28	LK02-B14	613	3	ONT	117,10				
29	LK02-B15	612	3	ONT	117,10				
30	Lk03-C02	619	3	ONT	125,00				
31	Lk03-C03	622	3	ONT	125,00				

STT	Kí hiệu lô đất	Số hiệu thửa đất	Số tờ bản đồ	Loại đất	Diện tích (m ²)	Số Quyết định của UBND tỉnh	Chủ thể được giao quản lý trước đây	Chủ thể quản lý đề nghị điều chỉnh	Địa chỉ khu đất
32	Lk03-C04	623	3	ONT	125,00				
33	Lk03-C05	625	3	ONT	125,00				
34	Lk03-C06	627	3	ONT	125,00				
35	Lk03-C07	629	3	ONT	125,00				
36	Lk03-C08	632	3	ONT	125,00				
37	Lk03-C09	633	3	ONT	125,00				
38	Lk03-C10	636	3	ONT	125,00				
39	Lk03-C11	637	3	ONT	125,00				
40	Lk03-C12	639	3	ONT	125,00				
41	Lk03-C13	642	3	ONT	125,00				
42	Lk03-C14	643	3	ONT	175,90				
43	Lk03-C16	620	3	ONT	125,00				
44	Lk03-C17	621	3	ONT	125,00				
45	Lk03-C18	624	3	ONT	125,00				
46	Lk03-C19	626	3	ONT	125,00				
47	Lk03-C20	628	3	ONT	125,00				

STT	Kí hiệu lô đất	Số hiệu thửa đất	Số tờ bản đồ	Loại đất	Diện tích (m ²)	Số Quyết định của UBND tỉnh	Chủ thể được giao quản lý trước đây	Chủ thể quản lý đề nghị điều chỉnh	Địa chỉ khu đất
48	Lk03-C21	630	3	ONT	125,00				
49	Lk03-C22	631	3	ONT	125,00				
50	Lk03-C23	634	3	ONT	125,00				
51	Lk03-C24	635	3	ONT	125,00				
52	Lk03-C25	638	3	ONT	125,00				
53	Lk03-C26	640	3	ONT	125,00				
54	Lk03-C27	641	3	ONT	125,00				
55	Lk03-C28	645	3	ONT	183,90				
56	LK04-D01	646	3	ONT	231,00				
57	LK04-D02	651	3	ONT	125,00				
58	LK04-D03	652	3	ONT	125,00				
59	LK04-D04	657	3	ONT	125,00				
60	LK04-D05	658	3	ONT	125,00				
61	LK04-D06	663	3	ONT	125,00				
62	LK04-D07	664	3	ONT	125,00				

STT	Kí hiệu lô đất	Số hiệu thửa đất	Số tờ bản đồ	Loại đất	Diện tích (m ²)	Số Quyết định của UBND tỉnh	Chủ thể được giao quản lý trước đây	Chủ thể quản lý đề nghị điều chỉnh	Địa chỉ khu đất
63	LK04-D08	669	3	ONT	125,00				
64	LK04-D09	670	3	ONT	125,00				
65	LK04-D10	675	3	ONT	125,00				
66	LK04-D11	676	3	ONT	125,00				
67	LK04-D12	647	3	ONT	239,00				
68	LK04-D13	650	3	ONT	125,00				
69	LK04-D14	653	3	ONT	125,00				
70	LK04-D15	656	3	ONT	125,00				
71	LK04-D16	659	3	ONT	125,00				
72	LK04-D17	662	3	ONT	125,00				
73	LK04-D18	665	3	ONT	125,00				
74	LK04-D19	668	3	ONT	125,00				
75	LK04-D20	671	3	ONT	125,00				
76	LK04-D21	674	3	ONT	125,00				
77	LK04-D22	677	3	ONT	125,00				

STT	Kí hiệu lô đất	Số hiệu thửa đất	Số tờ bản đồ	Loại đất	Diện tích (m ²)	Số Quyết định của UBND tỉnh	Chủ thể được giao quản lý trước đây	Chủ thể quản lý đề nghị điều chỉnh	Địa chỉ khu đất
78	LK04-D23	690	3	ONT	145,50				
79	LK04-D24	689	3	ONT	125,00				
80	LK04-D25	688	3	ONT	125,00				
81	LK04-D26	687	3	ONT	125,00				
82	LK04-D27	686	3	ONT	125,00				
83	LK04-D28	685	3	ONT	125,00				
84	LK04-D29	684	3	ONT	125,00				
85	LK04-D30	683	3	ONT	125,00				
86	LK04-D31	682	3	ONT	125,00				
87	LK04-D32	681	3	ONT	137,50				
88	LK05-E01	648	3	ONT	239,00				
89	LK05-E02	649	3	ONT	125,00				
90	LK05-E03	654	3	ONT	125,00				
91	LK05-E04	655	3	ONT	125,00				

STT	Kí hiệu lô đất	Số hiệu thửa đất	Số tờ bản đồ	Loại đất	Diện tích (m ²)	Số Quyết định của UBND tỉnh	Chủ thể được giao quản lý trước đây	Chủ thể quản lý đề nghị điều chỉnh	Địa chỉ khu đất
92	LK05-E05	660	3	ONT	125,00				
93	LK05-E06	661	3	ONT	125,00				
94	LK05-E07	666	3	ONT	125,00				
95	LK05-E08	667	3	ONT	125,00				
96	LK05-E09	672	3	ONT	125,00				
97	LK05-E10	673	3	ONT	125,00				
98	LK05-E11	678	3	ONT	125,00				
99	LK05-E12	691	3	ONT	120,50				
100	LK05-E13	692	3	ONT	125,00				
101	LK05-E14	693	3	ONT	125,00				
102	LK05-E15	694	3	ONT	125,00				
103	LK05-E16	695	3	ONT	125,00				
104	LK06-F01	709	3	ONT	200,00				
105	LK06-F02	708	3	ONT	125,00				

STT	Kí hiệu lô đất	Số hiệu thửa đất	Số tờ bản đồ	Loại đất	Diện tích (m ²)	Số Quyết định của UBND tỉnh	Chủ thể được giao quản lý trước đây	Chủ thể quản lý đề nghị điều chỉnh	Địa chỉ khu đất
106	LK06-F03	707	3	ONT	125,00				
107	LK06-F04	706	3	ONT	125,00				
108	LK06-F05	705	3	ONT	125,00				
109	LK06-F06	704	3	ONT	125,00				
110	LK06-F07	703	3	ONT	125,00				
111	LK06-F08	702	3	ONT	125,00				
112	LK06-F09	701	3	ONT	208,00				
113	LK06-F10	710	3	ONT	125,00				
114	LK06-F11	715	3	ONT	125,00				
115	LK06-F12	716	3	ONT	125,00				
116	LK06-F13	721	3	ONT	125,00				
117	LK06-F14	722	3	ONT	125,00				
118	LK06-F15	727	3	ONT	125,00				
119	LK06-F16	728	3	ONT	125,00				
120	LK06-F17	733	3	ONT	125,00				

STT	Kí hiệu lô đất	Số hiệu thửa đất	Số tờ bản đồ	Loại đất	Diện tích (m ²)	Số Quyết định của UBND tỉnh	Chủ thể được giao quản lý trước đây	Chủ thể quản lý đề nghị điều chỉnh	Địa chỉ khu đất
121	LK06-F18	734	3	ONT	125,00				
122	LK06-F19	739	3	ONT	125,00				
123	LK06-F20	740	3	ONT	125,00				
124	LK06-F21	786	7	ONT	125,00				
125	LK06-F22	787	7	ONT	125,00				
126	LK06-F23	788	7	ONT	125,00				
127	LK06-F24	790	7	ONT	125,00				
128	LK06-F25	792	7	ONT	125,00				
129	LK06-F26	794	7	ONT	125,00				
130	LK06-F27	796	7	ONT	258,30				
131	LK06-F28	711	3	ONT	125,00				
132	LK06-F29	714	3	ONT	125,00				
133	LK06-F30	717	3	ONT	125,00				
134	LK06-F31	720	3	ONT	125,00				
135	LK06-F32	723	3	ONT	125,00				
136	LK06-F33	726	3	ONT	125,00				
137	LK06-F34	729	3	ONT	125,00				

STT	Kí hiệu lô đất	Số hiệu thửa đất	Số tờ bản đồ	Loại đất	Diện tích (m ²)	Số Quyết định của UBND tỉnh	Chủ thể được giao quản lý trước đây	Chủ thể quản lý đề nghị điều chỉnh	Địa chỉ khu đất
138	LK06-F35	732	3	ONT	125,00				
139	LK06-F36	735	3	ONT	125,00				
140	LK06-F37	738	3	ONT	125,00				
141	LK06-F38	742	3	ONT	125,00				
142	LK06-F39	744	3	ONT	125,00				
143	LK06-F40	745	3	ONT	125,00				
144	LK06-F41	789	7	ONT	125,00				
145	LK06-F42	791	7	ONT	125,00				
146	LK06-F43	793	7	ONT	125,00				
147	LK06-F44	795	7	ONT	125,00				
148	LK06-F45	798	7	ONT	125,00				
149	LK06-F46	799	7	ONT	125,00				
150	LK06-F47	800	7	ONT	256,00				
151	LK07-G01	696	3	ONT	125,00				

STT	Kí hiệu lô đất	Số hiệu thửa đất	Số tờ bản đồ	Loại đất	Diện tích (m ²)	Số Quyết định của UBND tỉnh	Chủ thể được giao quản lý trước đây	Chủ thể quản lý đề nghị điều chỉnh	Địa chỉ khu đất
152	LK07-G02	697	3	ONT	125,00				
153	LK07-G03	698	3	ONT	125,00				
154	LK07-G04	699	3	ONT	125,00				
155	LK07-G05	700	3	ONT	145,50				
156	LK07-G06	712	3	ONT	125,00				
157	LK07-G07	713	3	ONT	125,00				
158	LK07-G08	718	3	ONT	125,00				
159	LK07-G09	719	3	ONT	125,00				
160	LK07-G10	724	3	ONT	125,00				
161	LK07-G11	725	3	ONT	125,00				
162	LK07-G12	730	3	ONT	125,00				
163	LK07-G13	731	3	ONT	125,00				
164	LK07-G14	736	3	ONT	125,00				
165	LK07-G15	737	3	ONT	125,00				

STT	Kí hiệu lô đất	Số hiệu thửa đất	Số tờ bản đồ	Loại đất	Diện tích (m ²)	Số Quyết định của UBND tỉnh	Chủ thể được giao quản lý trước đây	Chủ thể quản lý đề nghị điều chỉnh	Địa chỉ khu đất
166	LK07-G16	743	3	ONT	236,90				
167	LK08-H01	802	7	ONT	109,90				
168	LK08-H02	803	7	ONT	99,80				
169	LK08-H03	804	7	ONT	101,20				
170	LK08-H04	805	7	ONT	102,40				
171	LK08-H05	809	7	ONT	102,10				
172	LK08-H06	808	7	ONT	98,60				
173	LK08-H07	807	7	ONT	170,10				
Tổng cộng:					22.579,70				